TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:192/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 15 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Phạm Minh H; địa chỉ: Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Châu Phương T; địa chỉ: Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T được xác lập vào năm 2013, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình chung sống giữa ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T có phát sinh mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T là hoàn toàn tự nguyện và không

vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T xác nhận có 01 con chung tên Phạm Châu A, sinh ngày 24/12/2014. Sau khi ly hôn, ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T thỏa thuận giao con chung là Phạm Châu A cho bà Nguyễn Châu Phương T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Phạm Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con giữa ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T là tự nguyện và phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Châu Phương T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39/2013, quyển số 01/2013 do Uỷ ban nhân dân phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/10/2013).

- Về con chung: Sau khi ly hôn, giao con chung là Phạm Châu A cho bà Nguyễn Châu Phương T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Phạm Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Minh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0032378 ngày 05/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Ngô Thì Nhậm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (Trang).

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bùi Viết Bình